

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP BÀ RIÀ VÙNG TÀU**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022  
(đã được kiểm toán)

**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 24
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 24



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bà Rịa Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

### **CÔNG TY**

Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 3500100047 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 18 tháng 05 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ bốn ngày 17 tháng 04 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty: Quốc lộ 55, thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

### **HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng thành viên trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Mai Văn Hoa	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Minh Hải	Thành viên	
Ông Đinh Thiên Duy	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 01 tháng 08 năm 2022)
Ông Trần Đăng Thảo	Thành viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Đăng Thảo	Giám đốc	
Ông Nguyễn Minh Hải	Phó Giám đốc	
Ông Đinh Thiên Duy	Phó Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01 tháng 08 năm 2022)

Thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Tiến Thịnh	Kiểm soát viên
-------------------	----------------

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

**Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bà Rịa Vũng Tàu**

Quốc lộ 55, thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

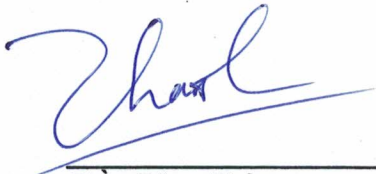
---

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



---

**Trần Đăng Thảo**

Giám đốc

Bà Rịa Vũng Tàu, ngày 30 tháng 01 năm 2023



Số: 300123.014/BCTC.KT6

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc  
Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bà Rịa Vũng Tàu**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bà Rịa Vũng Tàu được lập ngày 30 tháng 01 năm 2023, từ trang 6 đến trang 24, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trong năm 2021, Công ty chưa ghi nhận chi phí đầu tư rừng cao su đã đến tuổi khai thác vào tăng tài sản cố định với số tiền là 5.730.518.807 VND và giá trị khấu hao lũy kế tương ứng đến ngày 31/12/2021 là 143.262.970 VND. Theo đó, tại ngày 01/01/2022 chỉ tiêu "Nguyên giá" (Mã số 222) và chỉ tiêu "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" (Mã số 242) trên Bảng cân đối kế toán đang phản ánh thấp hơn và cao hơn với cùng số tiền là 5.730.518.807 VND. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 chỉ tiêu "Giá vốn hàng bán" (Mã số 11), tổng chỉ tiêu "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành" (Mã số 51) và "Lợi nhuận sau thuế TNDN" (Mã số 60) đang phản ánh thấp hơn và cao hơn với cùng số tiền là 143.262.970 VND; và

Công ty đang trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm doanh thu, chi phí và lợi nhuận cần được phân bổ cho "Bên hợp tác kinh doanh" với Công ty theo thỏa thuận Hợp đồng hợp tác kinh doanh về trồng rừng cao su. Theo đó, chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế TNDN" (Mã số 60) năm 2022 và năm 2021 đang phản ánh cao hơn số tiền lần lượt là 1.402.972.550 VND và 1.307.799.095 VND; và

Công ty đã phân bổ và ghi nhận doanh thu - giá vốn của các Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") trồng cây keo với Công ty TNHH MTV SanRimJoHap Vina, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ P&T ("Bên góp vốn") dựa theo số tiền mà các Bên góp vốn đã chuyển trên số năm hợp tác, và xác định nghĩa vụ thuế TNDN hàng năm đối với các Hợp đồng BCC này theo Thông báo Kết quả kiểm toán số 254/TB-KTNN của Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII. So với yêu cầu về chế độ kế toán áp dụng, việc hạch toán này dẫn đến trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" (Mã số 50) năm 2022 và năm 2021 đang phản ánh cao hơn số tiền lần lượt là 1.282.349.018 VND và 1.283.508.662 VND. Đồng thời chỉ tiêu "Phải trả dài hạn khác" (Mã số 337) trên Bảng cân đối kế toán bị điều chỉnh giảm tương ứng với việc ghi tăng chỉ tiêu "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" (Mã số 01) trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cùng số tiền trong năm 2022 và năm 2021 lần lượt là 6.915.372.401 VND và 6.876.276.897 VND.

#### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bà Rịa Vũng Tàu tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến Thuyết minh 09 trên Bản thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó mô tả Rừng gỗ lớn của Công ty đang được UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giao quản lý (không được khai thác) theo Công văn số 3468/UBND-VP ngày 17/04/2019.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến ngoại trừ của chúng tôi.

#### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bà Rịa Vũng Tàu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán Vũng Tàu. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ về việc Công ty chưa ghi tăng Nguyên giá và Khấu hao tương ứng của Tài sản cố định là rừng cây cao su đã đến tuổi khai thác đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 25 tháng 01 năm 2022.

#### **Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



#### **Đỗ Mạnh Cường**

Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0744-2023-002-1  
Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2023

#### **Hoàng Đức Anh**

Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 4876-2019-002-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	(đã điều chỉnh) VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>34.111.241.331</b>	<b>34.453.926.320</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		2.396.769.357	2.867.927.168
111	1. Tiền	3	2.396.769.357	2.867.927.168
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		8.195.607.602	14.161.691.504
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	733.592.400	3.722.401.099
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	180.000.000	217.692.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	7.516.704.102	10.473.624.505
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(234.688.900)	(252.026.100)
140	IV. Hàng tồn kho		23.462.945.351	17.424.307.648
141	1. Hàng tồn kho	8	23.462.945.351	17.424.307.648
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		55.919.021	-
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	55.919.021	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>79.922.866.912</b>	<b>92.159.932.612</b>
220	II. Tài sản cố định		74.256.886.449	77.129.795.952
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	74.256.886.449	77.129.795.952
222	- Nguyên giá		107.419.785.831	108.909.222.767
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(33.162.899.382)	(31.779.426.815)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		5.617.513.206	14.914.813.361
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	5.617.513.206	14.914.813.361
260	VI. Tài sản dài hạn khác		48.467.257	115.323.299
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	48.467.257	115.323.299
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>114.034.108.243</b>	<b>126.613.858.932</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	(đã điều chỉnh) VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>77.652.524.517</b>	<b>99.828.390.741</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>25.726.821.171</b>	<b>44.940.961.596</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	299.700.000	540.130.800
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		51.077.000	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	4.202.381.880	38.630.625.137
314	4. Phải trả người lao động		2.187.215.600	1.390.516.550
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	41.424.657
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	2.820.491.529	1.926.571.348
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	12	12.350.000.000	500.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		3.815.955.162	1.911.693.104
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>51.925.703.346</b>	<b>54.887.429.145</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	49.168.096.746	51.887.429.145
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	12	2.757.606.600	3.000.000.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>36.381.583.726</b>	<b>26.785.468.191</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>16</b>	<b>36.381.583.726</b>	<b>26.785.468.191</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		37.614.000.000	37.614.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		37.614.000.000	37.614.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		3.313.431.173	3.313.431.173
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(4.643.321.396)	(14.239.436.931)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(14.239.436.931)	(16.551.232.400)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		9.596.115.535	2.311.795.469
422	4. Nguồn vốn đầu tư XDCB		97.473.949	97.473.949
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>114.034.108.243</b>	<b>126.613.858.932</b>

  
Nguyễn Thị Hải  
Kế toán trưởng



  
Trần Đăng Thảo  
Giám đốc


Bà Rịa Vũng Tàu, ngày 30 tháng 01 năm 2023




## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	(đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	47.110.407.236	52.738.833.959
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		47.110.407.236	52.738.833.959
11	4. Giá vốn hàng bán	19	34.964.888.785	37.928.550.900
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		12.145.518.451	14.810.283.059
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		4.909.409	8.552.422
22	7. Chi phí tài chính		169.500.707	369.082.193
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		169.500.707	369.082.193
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	7.870.486.516	5.423.165.471
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.110.440.637	9.026.587.817
31	11. Thu nhập khác	21	14.016.295.728	64.044.778
32	12. Chi phí khác	22	298.536.131	3.089.754.264
40	13. Lợi nhuận khác		13.717.759.597	(3.025.709.486)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		17.828.200.234	6.000.878.331
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23	4.191.229.091	1.843.932.040
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>13.636.971.143</u>	<u>4.156.946.291</u>

  
Nguyễn Thị Hải  
Kế toán trưởng



  
Trần Đăng Thảo  
Giám đốc


Bà Rịa Vũng Tàu, ngày 30 tháng 01 năm 2023

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2022

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	45.145.682.942	43.457.173.141
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(13.318.855.449)	(8.470.026.944)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(17.363.711.900)	(16.114.258.552)
04	4. Tiền lãi vay đã trả	(542.868.059)	(327.657.536)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(1.865.869.623)	(546.373.441)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16.898.571.976	13.511.918.776
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(62.523.580.825)	(29.608.023.999)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(33.570.630.938)</b>	<b>1.902.751.445</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(255.655.682)	(1.162.047.886)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21.742.612.800	430.227.100
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	4.909.409	8.552.422
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>21.491.866.527</b>	<b>(723.268.364)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay	12.107.606.600	-
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	(500.000.000)	(500.000.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>11.607.606.600</b>	<b>(500.000.000)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>(471.157.811)</b>	<b>679.483.081</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	2.867.927.168	2.188.444.087
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3 2.396.769.357	2.867.927.168

  
Nguyễn Thị Hải  
Kế toán trưởng



  
Trần Đăng Thảo  
Giám đốc

Bà Rịa Vũng Tàu, ngày 30 tháng 01 năm 2023